

Số: 512/BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp - thủy sản và phát triển nông thôn năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ năm 2022

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Công văn số 929-CV/TU ngày 06/12/2021 về việc chuẩn bị báo cáo năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ năm 2022. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. Công tác tham mưu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình công tác

1. Xây dựng và triển khai thực hiện đồng bộ các Đề án, Chương trình, Kế hoạch, chính sách thực hiện khâu phá Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII

Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự giám sát của HĐND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ của sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; trên cơ sở các Nghị quyết của Trung ương, Chương trình công tác của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tập trung tham mưu, xây dựng các Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Kế hoạch thực hiện khâu đột phá Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2015 - 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho tỉnh ban hành 14 Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Chính sách, Kế hoạch giai đoạn 2021-2025, trong đó: Tham mưu ban hành 01 Nghị quyết của Tỉnh ủy, 01 Nghị quyết của HĐND tỉnh, 02 Đề án và 10 Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh.

(Danh mục Chương trình, Đề án, Chính sách, kế hoạch tại biểu số 01).

- Sau khi được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các Nghị quyết Chương trình, Kế hoạch, Đề án. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn xây dựng Kế hoạch chi tiết, cụ thể các chỉ tiêu, lộ trình thực hiện từng năm, từng việc; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, một số kết quả nổi bật như:

+ Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, trong đó giao cho các đơn vị trực thuộc Sở tham mưu xây dựng chính sách, đề án, các nhiệm vụ thực hiện Đề án; cơ cấu các sản phẩm, chỉ tiêu kế hoạch theo lộ trình từng năm, đến huyện, thành phố theo các vùng, trực sản phẩm chủ lực, đặc; tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo, ban hành quy chế Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án; tổ chức họp Ban Chỉ đạo và ra thông báo kết luận chỉ đạo triển khai đề án; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc về công tác triển khai của Ủy ban nhân dân các huyện.

+ Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Tuyên Quang¹, trong đó có nhiệm vụ: Tham mưu thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TU ngày 26/ 6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030; Chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2035.

+ Tích cực triển khai Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hoàn thiện hướng dẫn thực hiện Nghị quyết; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách.

2. Thực hiện có hiệu quả các việc đột phá, đổi mới góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục quán triệt, triển khai Quy định số 30-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*nay là Quy định số 03-QĐ/TU ngày 10/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*) đến các cơ quan, đơn vị thuộc Sở; chỉ đạo các đơn vị đề xuất, xác định nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng kế hoạch giai đoạn, năm thực hiện việc đột phá, đổi mới của Giám đốc Sở được giao. Kế hoạch xác định rõ các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo từng tháng, quý, năm.

- Kiện toàn Tổ công tác của Giám đốc Sở thực hiện việc đột phá, đổi mới được giao, Tổ công tác do 01 đồng chí Phó Giám đốc Sở làm Tổ trưởng, 01 đồng chí Phó Giám đốc Sở làm Tổ phó, thành viên là thủ trưởng các đơn vị liên quan. Các nhiệm vụ đột phá, đổi mới đề ra các nhiệm vụ, thời gian thực hiện cụ thể giao cho các thành viên tổ công tác tham mưu, tổ chức thực hiện.

- Xây dựng Kế hoạch để giao việc đột phá, đổi mới đối với Trưởng các phòng chuyên môn, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban hành Quy định về giao việc đột phá, đổi mới đối với Phó Giám đốc Sở, Trưởng phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đã giao 03 việc đột phá, đổi mới cho 03 Phó Giám đốc Sở và 22 việc cho thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở; các việc tập trung thực hiện nhiệm vụ đột phá, đổi mới của Giám đốc Sở và khâu đột phá ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra.

¹ Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Tuyên Quang.

3. Tập trung, linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

- Thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII (nhiệm kỳ 2021 - 2025), Chương trình số 03-CTr/TU ngày 21/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình công tác năm 2021, Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 22/01/2021 về Chương trình công tác năm 2021 của UBND tỉnh, Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-SNN ngày 15/02/2020 về thực hiện Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh, Kế hoạch số 05/KH-SNN ngày 19/01/2021 về thực hiện Chương trình công tác năm 2021 để triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tình giao. Các Kế hoạch của Sở xác định rõ chỉ tiêu, kế hoạch, giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc.

- Ngoài các nhiệm vụ tham mưu cho tỉnh, Sở xác định 47 việc trọng tâm, được thực hiện, đánh giá thường xuyên và đảm bảo tiến độ kế hoạch đề ra; trong quá trình chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ, Sở đã ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức kiểm tra sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản đảm bảo khung thời vụ. Quá trình thực hiện theo dõi chặt chẽ, đánh giá và có biện pháp chỉ đạo, linh hoạt, nhất là trong bối cảnh dịch Covid - 19 có nhiều diễn biến phức tạp; xây dựng và duy trì các kênh thông tin, chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất để kịp thời nắm bắt tình hình; duy trì các Tổ công tác của Sở phụ trách địa bàn các huyện, thành phố; giúp các huyện, thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

II. Kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

1. Cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch, GRDP ngành nông nghiệp tăng trưởng đột phá

Mặc dù ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn như thiên tai, dịch bệnh, song với sự chủ động của các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân cùng với sự quyết liệt của hệ thống chính trị, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (*theo giá so sánh năm 2010*) ước đạt 9.9.749,3 tỷ đồng, đạt 101,7% kế hoạch, tăng 5,3 % so năm 2020; cơ bản các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Sản lượng lương thực đạt 34,8 vạn tấn, đạt 102,3% kế hoạch. Diện tích cây ăn quả vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Tổng sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 82.929 tấn, đạt 100% kế hoạch. Sản lượng sữa tươi 24.000 tấn.

- Sản lượng thủy sản ước đạt 9.811 tấn, đạt 100% kế hoạch, tăng 5% so với năm 2020.

- Trồng rừng đạt 11.642 ha, vượt 12,5% kế hoạch, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng đạt 997.637,1 m³ đạt 104,5% kế hoạch. Duy trì độ che phủ của rừng trên 65%.

- Hoàn thành lấp đặt 98,2 km kênh mương nội đồng bằng cầu kiện bê tông thành mỏng đúc sẵn (*dự kiến hoàn thành 100km, đạt 100% kế hoạch trong tháng 12*).

- Dự kiến hết năm 2021, toàn tỉnh có 54 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: Duy trì, giữ vững 45 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 (*giảm 02 xã Lăng Can, huyện Lâm Bình và xã Thăng Quân, huyện Yên Sơn do sát nhập địa giới hành chính*) và có thêm 9 xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.

2. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng hàng hóa, đẩy mạnh sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

a) Về trồng trọt và bảo vệ thực vật

Chỉ đạo các giải pháp tổ chức sản xuất (*cơ cấu giống, thời vụ; cung ứng giống, vật tư; biện pháp sản xuất thích ứng với điều kiện thời tiết bất thuận ...*) đảm bảo sản xuất hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, một số chỉ tiêu cây trồng chính đạt và vượt kế hoạch (*sản lượng lương thực; diện tích cây ăn quả*). Tuyên truyền mở rộng diện tích gieo cấy lúa chất lượng đạt 25,23% tổng diện tích gieo cấy (*năm 2020 đạt 17,5% diện tích gieo cấy*). Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, dự tính, dự báo sâu bệnh hại chính xác, kịp thời, các đợt phát sinh sâu bệnh hại được khống chế không để lan ra diện rộng.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tuyên truyền, vận động nhân dân mở rộng sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn (*VietGAP, hữu cơ*) được 227,78 ha cây trồng. Đến hết năm 2021, tổng diện tích các cây trồng (*Chè, cam, bưởi, lúa, rau, lạc, táo, ổi...*) được sản xuất theo tiêu chuẩn trên địa bàn tỉnh là 1.732,4 ha, trong đó: Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP là 986,3 ha, theo tiêu chuẩn hữu cơ là 114,4 ha; theo tiêu chuẩn Rainforest Alliance 622,7 ha. Chủ trì, phối hợp với Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan rà soát, xác định vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả dự án “*Điều tra thực trạng sản xuất hữu cơ và nghiên cứu, đề xuất, xác định các vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”.

b) Về chăn nuôi, thú y và thủy sản

- Hướng dẫn các huyện, thành phố phát triển chăn nuôi gia cầm, trâu bò, lợn tại các xã có điều kiện gắn với tiêu thụ sản phẩm (*tổng đàn bò, lợn, gia cầm đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao, đàn trâu đạt 98% kế hoạch*). Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển chăn nuôi trâu hàng hóa theo chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019-2025². Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại theo hướng liên kết, vận động và hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP); toàn

² Đã có 1.043 con nghé được sinh từ phương pháp thụ tinh nhân tạo, đạt 130% kế hoạch năm 2021; có 34 tổ chức, cá nhân có hoạt động liên kết trong chăn nuôi trâu vỗ béo, trong đó có 03 HTX có hoạt động liên kết theo chuỗi từ cung ứng con giống đến tiêu thụ sản phẩm, đã tổ chức cung ứng 1.299 con trâu giống nuôi thương phẩm cho các hộ chăn nuôi, tổ chức thu mua, tiêu thụ 1.233 con trâu thương phẩm.

tỉnh hiện có 89 trang trại chăn nuôi, duy trì 01 trang trại bò sữa Tuyên Quang “*Đạt chuẩn quốc tế GlobalGAP*” và Công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao; 04 cơ sở chăn nuôi lợn VietGAP; 19 cơ sở chăn nuôi được cấp chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Tổng sản lượng thịt hơi các loại 82.929 tấn, đạt 100% kế hoạch; sản lượng sữa tươi 24.000 tấn, đạt 100% kế hoạch.

- Thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm nhất là bệnh Viêm da nổi cục và bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, đến nay đã khống chế được bệnh viêm da nổi cục, các xã đều đã công bố hết dịch; theo dõi, giám sát chặt chẽ, đảm bảo phát hiện sớm vật nuôi mắc bệnh và tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch ngay khi có dịch tại hộ chăn nuôi; tập trung triển khai công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm theo kế hoạch³; kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, bảo đảm theo quy định⁴.

- Thực hiện các giải pháp phát triển thủy sản trên địa bàn, kết quả: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 3.097 ha, đạt 100% kế hoạch; số lồng nuôi thủy sản là 2.225 lồng, đạt 100 % kế hoạch (*trong đó số lồng nuôi cá đặc sản, cá chủ lực chiếm 50% tổng số lồng*). Sản lượng thủy sản cả năm đạt 9.811 tấn, trong đó sản lượng cá đặc sản 854 tấn, đạt 100% kế hoạch. Công tác sản xuất giống thủy sản được chú trọng, đảm bảo phục vụ sản xuất, nhất là việc sản xuất giống thủy sản đặc sản⁵.

Tích cực kết nối, giúp đỡ doanh nghiệp, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản tiêu thụ sản phẩm cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao với các đơn vị thu mua tại thành phố Tuyên Quang, Hải Dương, Hà Nội (*trong năm đã giúp đỡ kết tiêu thụ được trên 62 tấn cá đặc sản*). Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 (*Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 21/5/2021*); công tác kiểm tra, quản lý nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản được tăng cường⁶.

³ Tiến độ tiêm phòng: Vụ Xuân Hè: Đàn trâu 72.059 con (vắc xin LMLM: 21.902 con đạt 30% KH, THT: 50.157 con đạt 68% KH; đàn bò 27.209 con (vắc xin LMLM: 7.826 con đạt 28% KH, THT: 1819.383 con đạt 71% KH); đàn lợn 497.720 con (vắc xin LMLM: 48.587 con đạt 44% KH, THT: 253.071 con đạt 72% KH, Dịch tả: 196.062 con đạt 54% KH); đàn gia cầm 4.438.897 con (vắc xin THT: 2.073.976 con đạt 55% KH, Niucatson 2.270.175 con đạt 60% KH, dịch tả vịt: 94.746 con đạt 69% KH); Đàn chó 32.935 con đạt 30% KH. Vụ Thu Đông (đang thực hiện): Đàn trâu 95.414 con (LMLM 47.613 con, đạt 71,08% KH; THT 47.801 con, đạt 71% KH); đàn bò 42.392 con (LMLM 21.229 con, đạt 78,43% KH; THT 21.163 con, đạt 76,36% KH); đàn lợn 487.805 con (LMLM 47.664 con, đạt 43,53% KH; THT 223.820 con, đạt 70,62% KH; dịch tả 216.321 con, đạt 69,80 KH); đàn gia cầm 4.668.924 lượt con.

⁴ Tình hình dịch bệnh:

- Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: Lũy kế 85 xã, 383 thôn và 1.453 hộ chăn nuôi xuất hiện lợn mắc bệnh Dịch tả lợn châu Phi. Số lợn tiêu hủy 10.198 con, trọng lượng 482.132 kg. Có 16 xã qua 21 ngày đã công bố hết dịch, 34 xã đã qua 21 ngày chưa công bố hết dịch, 35 xã chưa qua 21 ngày

- Bệnh viêm da nổi cục: Lũy kế có 92 xã, 347 thôn và 900 hộ chăn nuôi xuất hiện bò mắc bệnh Viêm da nổi cục. Số trâu, bò mắc bệnh 1.513 con (Trong đó: trâu 42 con, bò 1.471 con); số con tiêu hủy 202 con bò; khối lượng tiêu hủy 32.666 kg. Hiện nay các xã trên địa bàn tỉnh đã công bố hết dịch bệnh viêm da nổi cục.

⁵ Đã sản xuất được trên 91 triệu con cá giống, tăng 3,4% so năm 2020. Trong đó các giống truyền thống là trên 91 triệu con, đạt 115% kế hoạch năm 2021, các giống đặc sản là 75 nghìn con, đạt 125% kế hoạch.

⁶ Tổ chức 10 cuộc kiểm tra về việc chấp hành các quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm tra trách nhiệm của UBND các xã trong việc triển khai thực hiện Quy chế quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản của UBND tỉnh. Điều tra, khảo sát, đánh giá nghề cá thương phẩm năm 2021 tại 05 huyện nhằm đánh giá hiện trạng về thành phần loài, bãi đẻ tự nhiên của các loài thủy sản để phục vụ cho quản lý khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh có hiệu quả.

d) Về lâm nghiệp

Triển khai chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao, năm 2021 hỗ trợ được 1.829.636 cây giống tương đương trồng 1.185 ha/ 809 hộ. Tập trung chỉ đạo, hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu trồng rừng, khai thác năm 2021: Toàn tỉnh đã trồng 11.642,02 ha rừng, đạt 112,48 % kế hoạch (*trồng rừng tập trung 11.031,94 ha, trồng cây phân tán quy diện tích 610,08 ha*); khai thác rừng trồng được 10.895,5 ha, khối lượng gỗ 997.637,1 m³, đạt 104,5 % kế hoạch; khai thác tre, nứa được 32.083,6 tấn, đạt 106,9 % kế hoạch. Thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh, tổng toàn tỉnh trồng được 1,25 triệu cây/1,2 triệu cây, đạt 104 % kế hoạch năm 2021.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân trồng rừng về vai trò, ý nghĩa của việc cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC trong quản lý, bảo vệ rừng và nâng cao giá trị sản phẩm gỗ; toàn tỉnh hiện có 33.666,26 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế (FSC) (*giảm 2.177,16 ha so với năm 2020*⁷). Trình xin chủ trương xây dựng Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ Các-bon rừng từ giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng Các-bon rừng (REDD+) tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025; tổ chức buổi họp trực tuyến với Công ty Cổ phần tư vấn Năng lượng và Môi trường để xúc tiến hợp tác trong hoạt động thương mại tín chỉ Các-bon rừng trồng.

Tăng cường các biện pháp quản lý bảo vệ rừng, chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương thực hiện tuần tra, kiểm tra, phát hiện xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp. Năm 2021 kiểm tra, phát hiện và xử lý 304 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, giảm 53 vụ so với cùng kỳ năm 2020, tỷ lệ giảm 14,8% (*xử phạt vi phạm hành chính 275 vụ; xử lý hình sự 29 vụ*)⁸. Tổng số tiền thu nộp ngân sách 2.348,339 triệu đồng (trong đó tiền phạt VPHC 1.912,5 triệu đồng; tiền bán tang vật, phương tiện tịch thu 435,839 triệu đồng).

(Có biểu số 02 các lĩnh vực kèm theo)

3. Ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất tiếp tục được chú trọng, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất nông nghiệp; chất lượng hoạt động khuyến nông được nâng cao

Công tác chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đã có những chuyển biến tích cực, nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng vào sản xuất; tập trung đưa các giống cây trồng mới vào sản xuất (tuyển chọn giống cam, giống bưởi, giống chè chất lượng cao); hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng, đẩy mạnh áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), canh tác hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng phân viên nén NK dúi sâu cho

⁷ Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi giảm 326 ha; các nhóm hộ của huyện Yên Sơn giảm 2.639,41ha; các nhóm hộ của huyện Chiêm Hóa giảm 21,14 ha; Công ty lâm nghiệp Tân Phong giảm 535,23 ha).

⁸ Các hành vi vi phạm như sau: Vi phạm quy định về hồ sơ, thủ tục khai thác lâm sản có nguồn gốc hợp pháp 02 vụ; Phá rừng trái pháp luật 39 vụ; Lấn, chiếm rừng trái pháp luật 01 vụ; Khai thác rừng trái pháp luật 36 vụ; Vận chuyển lâm sản trái pháp luật 30 vụ; Tăng trữ lâm sản trái pháp luật 17 vụ; Vi phạm quy định về bảo vệ động vật rừng 01 vụ; Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản 89 vụ; Vi phạm quy định về phòng cháy gây cháy rừng 01 vụ; Vi phạm khác 88 vụ.

lúa, NPK nhả chậm, tăng cường sử dụng phân hữu cơ sinh học, vi sinh, các chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc⁹... kỹ thuật chăn nuôi lợn an toàn sinh học, chăn nuôi trâu, bò vỗ béo và chế biến thức ăn gia súc; các phương pháp thụ tinh nhân tạo, nuôi cấy mô trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi tiếp tục phát huy được hiệu quả.

Tiếp tục phối hợp, theo dõi thực hiện các đề tài, dự án khoa học thuộc lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh, cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Chương trình Khuyến nông tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 đạt được những kết quả nhất định. Hệ thống khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở và các cán bộ chuyên môn của ngành nông nghiệp đã có nhiều cố gắng và tích cực tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật, thực hiện các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất¹⁰. Nhiều mô hình khuyến nông, liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với các HTX, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh phát huy hiệu quả¹¹, điển hình như: Liên kết sản xuất và tiêu thụ tiêu thụ sản phẩm dưa chuột năm 2021 diện tích 170 ha/1.235 hộ, với tổng sản lượng thu mua đạt 8.647,4 tấn/ha/năm, đạt doanh thu trên 60,53 tỷ đồng/năm; liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm ngô sinh khối tại thành phố Tuyên Quang, với diện tích 130 ha, sản lượng đạt 6.110 tấn/năm, doanh thu đạt trên 5 tỷ đồng/năm

4. Các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục được đổi mới, phát triển cả về số lượng, chất lượng và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của HTX nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp, nông thôn được đẩy mạnh. Tập trung củng cố, kiện toàn và hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển các HTX. Hiện nay toàn

⁹ Lựa chọn, đề xuất 01 giống lúa (MHC2) vào cơ cấu giống chính thức; lựa chọn được 05 giống lúa (Hương ưu 98, Bắc Thịnh, ADI168, Dự Hương 8, HD11) và 06 giống ngô (CP511, CP512, DK8868, AG59, SSC586, NK7328) vào cơ cấu các giống triển vọng của tỉnh năm 2022. Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố xây dựng được 93 mô hình trình diễn áp dụng các giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới (53 giống lúa, 03 giống ngô), với tổng diện tích thực hiện 117,2 ha.

¹⁰ Tổ chức được 10 lớp tập huấn cho 500 học viên tham gia; thực hiện được 36 Chuyên mục Khuyến nông trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; phát hành 6 số Bản tin Khuyến nông và thị trường với 1.200 cuốn; đang hoàn thiện hồ sơ cấp phép xuất bản đề ban hành 500 cuốn sổ tay khuyến nông năm 2021; cấp phát 72.500 tờ hướng dẫn kỹ thuật về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; cấp phát 9.800 tờ gấp hướng dẫn cơ cấu giống và thời vụ, tổ chức được 07 hội nghị đầu bờ tổng kết mô hình.

¹¹ Trung tâm Khuyến nông kết nối được với 06 doanh nghiệp, Hợp tác xã ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông sản đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm cho nông dân. Tiêu thụ được 8.647,4 tấn dưa chuột, 7,1 tấn sợi gai xanh, 5.940 tấn ngô sinh khối, 45,3 tấn quả ớt tươi. Triển khai thực hiện Dự án "Xây dựng mô hình nuôi ong mật gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại xã Thái Bình huyện Yên Sơn" nguồn vốn Trung tâm Khuyến nông Quốc gia giai đoạn 2021-2023, quy mô 900 đàn ong/18 hộ tham gia. Phối hợp triển khai mô hình trồng cây gai xanh AP1, quy mô 10,7 ha/31 hộ tại 4 xã: Tú Thịnh, Tân Trào, Tân Thanh, Phúc Ứng huyện Sơn Dương.

tỉnh có 388 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản¹² (trong đó có 62 HTX chăn nuôi, 08 HTX lâm nghiệp, 21 HTX thủy sản, 228 HTX tổng hợp, 69 HTX trồng trọt); công tác tư vấn tổ chức hoạt động cho các HTX được chú trọng, trong năm đã phối hợp hướng dẫn thành lập mới 67 HTX (đạt 260% kế hoạch), giải thể 16 HTX (đạt 145% kế hoạch). Theo dõi, cập nhật, khuyến khích phát triển tổ hợp tác, toàn tỉnh có 33 tổ hợp tác đang hoạt động (trong năm thành lập 10 THT), sản xuất trong các lĩnh vực nông lâm sản và thủy sản¹³ với tổng số thành viên 326 thành viên, tổng số vốn góp của các thành viên là 3.595 triệu đồng.

Các HTX ngày càng phát huy vai trò là “hạt nhân”, “lực lượng cốt lõi” trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Số lượng HTX tham gia vào các chuỗi liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn ngày càng tăng, phát huy hiệu quả, cụ thể: Toàn tỉnh có 147 HTX đã hợp tác, liên kết và tổ chức sản xuất và tiêu thụ 20 loại sản phẩm nông sản, tỷ lệ giá trị sản phẩm thông qua hình thức liên kết ước đạt 17% (Cam, chè, mía, lạc, lúa, rau, dược liệu, bưởi, gấc, sachi, chanh, hoa nhài, trâu, bò, lợn, dê, gà, vịt, cá, gỗ rừng trồng); 17 HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, trong đó 100% là ứng dụng kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản nông sản; có 55 HTX đã đăng ký nhãn hiệu sản phẩm cho 65 sản phẩm (trong tổng số 99 sản phẩm, chiếm tỷ lệ 65%); có 31 HTX (trong tổng số 51 chủ thể, chiếm 61%) là chủ thể có 62 sản phẩm được xếp hạng từ 3 sao trở lên (trong tổng số 79 sản phẩm); 19 HTX tổ chức trồng trọt theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ với 160,318 ha; 02 HTX tổ chức chăn nuôi VietGAP; 02 HTX tổ chức sản xuất cá VietGAP.

Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định tiêu chí kinh tế trang trại. Đến nay toàn tỉnh có 362 trang trại³ (233 trang trại trồng trọt, chiếm 64,4%; 89 trang trại chăn nuôi, chiếm 24,6%; 05 trang trại lâm nghiệp chiếm 1,4%; 35 trang trại tổng hợp, chiếm 9,7%).

Hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới 05/05 Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp theo Phương án chuyển đổi, sắp xếp được phê duyệt, các Công ty đã hoàn thành thủ tục đăng ký doanh nghiệp và đi vào hoạt động theo quy định.

5. Các cơ chế, chính sách được xây dựng, hoàn thiện, tạo động lực thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn

Tham mưu ban hành Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hoá; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng hướng dẫn liên ngành và tổ chức triển khai thực hiện. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2022, tổng hợp gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh cùng kỳ xây dựng kế hoạch ngân sách năm 2022, tổng kinh phí đề nghị phân bổ thực hiện 44.091,5 triệu đồng.

¹² Huyện Lâm Bình có 29 HTX, huyện Na Hang có 45 HTX; huyện Chiêm Hóa có 49 HTX; huyện Hàm Yên có 55 HTX; huyện Yên Sơn có 91 HTX; huyện Sơn Dương có 61 HTX; thành phố Tuyên Quang có 34 HTX.

¹³ Có 11 tổ hợp tác trồng trọt, 196 tổ hợp tác chăn nuôi, 03 tổ hợp tác thủy sản.

Đôn đốc, hướng dẫn thực hiện chính sách đối với HTX nông nghiệp, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh (*Lũy kế Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh trước khi Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực*). Đến nay đã giải ngân cho vay 21.517 triệu đồng/18 HTX, ngân sách nhà nước hỗ trợ 128 HTX với tổng kinh phí hỗ trợ là 5.356,688 triệu đồng (*hỗ trợ lãi suất 276,69 triệu, hỗ trợ thành lập mới 5 tỷ đồng/125 HTX, hỗ trợ xây dựng và công nhận tiêu chuẩn sản phẩm 120 triệu đồng/02 HTX*).

Tích cực triển khai Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện, thành phố trình lựa chọn danh mục các dự án, kế hoạch liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024, gồm 35 dự án/kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt¹⁴; tuy nhiên chưa có tổ chức, cá nhân được hỗ trợ.

Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh được các tổ chức, cá nhân trong sản xuất nông nghiệp quan tâm, thực hiện; công tác tuyên truyền, phổ biến nghị quyết được chú trọng¹⁵; rà soát, tổng hợp đề xuất các dự án trình thẩm định, phê duyệt. Kết quả có 83 dự án (*64 dự án trồng trọt, 19 dự án chăn nuôi*) được phê duyệt tại Quyết định số 709/QĐ-UBND, ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện.

6. Công tác quản lý chất lượng và ATTP hàng nông sản tiếp tục được tăng cường; thương hiệu, sức cạnh tranh nông sản tỉnh Tuyên Quang tiếp tục được nâng cao

Công tác thông tin truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản được ngành quan tâm và đẩy mạnh dưới nhiều hình thức¹⁶. Các đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện vi phạm và xử lý nghiêm theo quy định các trường hợp vi phạm, cụ thể: Thanh tra, kiểm tra đối với 124 lượt cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, lấy 75 mẫu để kiểm tra chất lượng; phát hiện 05 mẫu không đảm bảo chất lượng, được xử lý nghiêm theo quy định. Kiểm tra, giám sát được 231 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; tổ chức lấy

¹⁴ Tờ trình số 147/TTr-SNN ngày 18/10/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Báo cáo thẩm số 874/BC-SKH ngày 29/10/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

¹⁵ Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng 02 chuyên đề tuyên truyền; xây dựng chuyên đề về sản xuất hữu cơ tại Tuyên Quang phát sóng trên Kênh VTV1, Đài Truyền hình Việt Nam. Phối hợp với Báo Tuyên Quang Online chuẩn bị nội dung tọa đàm: Nông nghiệp hữu cơ - Hướng phát triển bền vững để tuyên truyền chính sách của tỉnh khuyến khích sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

¹⁶ Tổ chức 06 lớp tập huấn cho trên 313 người tham dự, nội dung về các quy định của pháp luật trong quản lý, sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp và thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Phối hợp Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang thực hiện 11 bản tin, phóng sự tuyên truyền về công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; quảng bá xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và kết nối tiêu thụ sản phẩm tới tay người tiêu dùng. Cấp phát 4.500 tờ rơi tuyên truyền

170 mẫu thực phẩm để kiểm tra tes nhanh về an toàn thực phẩm, không phát hiện vi phạm. Kiểm tra, đánh giá cấp mới 04 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và cấp 52 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025. Chương trình ngày càng thu hút sự quan tâm, tham gia của các tổ chức, cá nhân; nhận thức về xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm có chuyển biến rõ nét; người tiêu dùng ngày càng tin tưởng và lựa chọn các sản phẩm OCOP. Năm 2021, dự kiến tổ chức đánh giá, phân hạng, nâng hạng 52 sản phẩm tham gia Chương trình OCOP (*trong đó 45 sản phẩm mới, 04 sản phẩm nâng hạng từ 03 sao lên hạng 04 sao và 03 sản phẩm nâng hạng từ 04 sao lên hạng 05 sao*) có ít nhất 30 sản phẩm mới đánh giá, phân hạng đạt từ 03 sao trở lên; 03 sản phẩm hoàn thiện hồ sơ đề nghị Hội đồng cấp trung ương đánh giá, phân hạng 05 sao (*gồm: của các Hợp tác xã: Sơn Trà, xã Hồng Thái, huyện Na Hang; Dịch vụ sản xuất Nông nghiệp Sĩ Anh, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn; Chăn nuôi ong Phong Thổ, xã An Khang, thành phố Tuyên Quang*).

Thường xuyên nắm bắt tình hình thu hoạch, tiêu thụ nông sản trước diễn biến phức tạp và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. rà soát sản lượng, dự báo thị trường tiêu thụ và phối hợp đề xuất các giải pháp tiêu thụ sản phẩm trong vụ thu hoạch (*na, nhãn, cam, chè, bưởi, thủy sản*). Phối hợp với các ngành đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, vận động hỗ trợ, hưởng ứng tiêu thụ nông sản cho nông dân. Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và ban hành Chương trình phối hợp về phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo sản xuất, kết nối cung ứng tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong điều kiện dịch COVID - 19.

Triển khai công tác xúc tiến thương mại; tổ chức giới thiệu, kết nối sản phẩm nông nghiệp được chứng nhận OCOP cho các siêu thị, trung tâm thương mại trong và ngoài tỉnh. Trong năm đã tuyên truyền, vận động, hướng dẫn kết nối được 03 sản phẩm vào các siêu thị, trung tâm thương mại trong và ngoài tỉnh nâng tổng số lên 06 sản phẩm được kết nối (*sản phẩm cá của Công ty TNHH MTV thủy sản Nhật Nam; Cam sành Hàm Yên; chè xanh của HTX chè Sĩ Anh; sản phẩm chè xanh của HTX chè Tân Thái 168; mật ong Phong Thổ; Bưởi Xuân Vân*); hướng dẫn, kết nối các sản phẩm OCOP của tỉnh lên sàn thương mại điện tử VoSo, PostMart. Việc tuyên truyền, vận động xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn đạt kế hoạch đề ra, trong năm 2021 đã xác nhận được 04 chuỗi, (*HTX hữu cơ Hồng Phát, HTX chế biến chè Khe Đăng, HTX nông sản an toàn Tâm Hương, HTX chăn nuôi ong Phong Thổ*), nâng tổng số lên 28 chuỗi cung ứng TPAT. Hiện nay toàn tỉnh có 99 sản phẩm đăng ký nhãn hiệu, trong đó có 62 sản phẩm đã được bảo hộ của Cục Sở hữu trí tuệ; có trên 200 sản phẩm được dán tem truy xuất nguồn gốc; 03 sản phẩm có chỉ dẫn địa lý (*cam sành Hàm Yên, Bưởi Soi Hà, Chè Shan tuyết Na Hang*).

7. Đầu tư công trình xây dựng nông nghiệp được thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và kịp thời đề xuất giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các chương trình, dự án. Triển khai hoạt động đầu tư với 22 cụm công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh (*thanh toán vốn các công trình đã hoàn thành từ những năm trước 12 cụm công trình; xây dựng hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng 1 cụm công trình; đan g thi công 08 cụm công trình; 01 cụm công trình đang chuẩn bị đầu tư*); việc đầu tư, nâng cấp sửa chữa mở rộng các công trình góp phần nâng cao sức khỏe, đời sống, nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước. Dự kiến hết năm 2021, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 95,5%. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 đối với các công trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, bao gồm cả vốn năm 2020 chuyển sang đạt trên 56% kế hoạch¹⁷.

- Chương trình kiên cố hóa kênh mương theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh triển khai theo đúng kế hoạch đề ra. Sở Nông nghiệp và PTNT đã ký kết hợp đồng với đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH và Đầu tư xây dựng Thành Hưng gói thầu mua sắm cầu kiện kênh bê tông đúc sẵn để kiên cố hóa 100km kênh mương với tổng giá trị 71,9 tỷ đồng. Kế hoạch vốn năm 2021 là 50.000 triệu đồng/71.000 triệu đồng, đạt 69,5% kế hoạch (*được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 18/02/2021*); kết quả giải ngân được 50.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn năm 2021; kinh phí còn thiếu để thực hiện Kế hoạch năm 2021 là 21.900 triệu đồng. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tiến độ thi công lắp đặt cầu kiện bê tông, đã thi công hoàn thành 98,2km kênh mương, đạt 98,2% kế hoạch đề ra.

- Tham mưu đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi được giao làm chủ đầu tư, đảm bảo đầy đủ trình tự các bước theo quy định hiện hành, đến nay các công trình đang trong giai đoạn tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, dự kiến đến hết tháng 12/2021 thi công hoàn thành 17/20 công trình đưa vào sử dụng phục vụ sản xuất, còn lại 03 công trình (*thực hiện quy trình đấu thầu*) dự kiến hoàn thành trong quý I/2022; năm 2021, ước kết quả tưới chắc cho lúa đạt trên 84% theo kế hoạch giao.

8. Chương trình MTQG xây dựng NTM đạt mục tiêu kế hoạch đề ra

Tổ chức kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021. Phối hợp tổ chức Lễ công bố quyết định công nhận thành phố Tuyên Quang hoàn thành

¹⁷ Tổng số vốn giải ngân từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/12/2021: 12.526,467 triệu đồng/22.086,696 triệu đồng, đạt 56,71% kế hoạch vốn đã được cấp phát vốn về tài khoản của đơn vị. Trong đó: Giải ngân vốn năm 2020 kéo dài sang năm 2021: 9.990,967 triệu đồng/9.990,967 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch; Giải ngân vốn kế hoạch năm 2021: 2.535,500 triệu đồng/12.095,729 triệu đồng, đạt 20,96% kế hoạch.

nhiệm vụ nông thôn mới. Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các xã thực hiện củng cố, duy trì và giữ vững 19/19 tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chỉnh trang nhà cửa, bảo vệ cảnh quan môi trường, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn an ninh trật tự. Chú trọng thực hiện tuyên truyền, vận động thực hiện Bộ tiêu chí “nông thôn mới kiểu mẫu” và “vườn mẫu nông thôn mới”. Kết quả:

- Đối với 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới: Có 01 xã đạt 19 tiêu chí (xã Hợp Thành), 05 xã đạt 18 tiêu chí (xã: Thổ Bình, Thái Sơn, Phú Thịnh, Tân Long, Tú Thịnh) và 03 xã đạt 16 tiêu chí (xã: Tân An, Kiên Đài, Tân Thành).

- Đối với 05 xã nâng cao: Xã Hoàng Khai đạt 18/18 tiêu chí; 01 xã đạt 17 tiêu chí (xã Vinh Quang) và 03 xã đạt 16/18 tiêu chí (xã: Bình Xa, Sơn Nam). Đối với xã Kim Phú, năm 2021 tại đã xảy ra trọng án (giết người), không đạt tiêu chí An ninh trật tự (*Dự kiến kế hoạch: Thành phố sẽ có Lương Vượng và xã Tràng Đà đạt chuẩn, hiện tại theo kết quả tự đánh giá 02 xã đã hoàn thành 18/18 tiêu chí*).

- Đối với xã kiểu mẫu (xã Thái Bình, Yên Sơn): Đã hoàn thành 4/4 tiêu chí theo Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018, gồm: Tiêu chí số 01 về Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo; tiêu chí số 02 về Giáo dục - Y tế - Văn hóa; tiêu chí số 03 về Môi trường; tiêu chí số 04 về An ninh trật tự - hành chính công; đã hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về Tổ chức sản xuất theo Quyết định 03/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

9. Chủ động làm tốt công tác phòng chống thiên tai

- Thực hiện tốt nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Quỹ PCTT của tỉnh¹⁸. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về khí tượng, thủy văn để dự báo, cảnh báo phòng chống thiên tai; tham mưu ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2021 và kiện toàn ban chỉ huy phòng chống thiên tai để triển khai thực hiện các hoạt động ứng phó và khắc phục thiên tai trên địa bàn tỉnh. Tổ chức trực ban nghiêm túc, tổng hợp báo cáo kịp thời về tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra¹⁹. Công tác khắc phục hậu quả sau thiên tai được thực hiện khẩn trương, kịp thời, đảm bảo ổn định đời sống của nhân dân, hạ tầng sản xuất được khôi phục²⁰.

¹⁸ Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Quyết định, Kế hoạch: Số 337/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 ban hành kèm theo Kế hoạch PCTT năm 2021; số 127/KH-UBND ngày 10/8/2021 về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030”; số 156/KH-UBND ngày 20/9/2021 về Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Chủ động phòng chống thiên tai, xây dựng cộng đồng an toàn” giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; số 718/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 Phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 -2025.

¹⁹ Trong năm xảy ra 17 đợt thiên tai (03 đợt do mưa to cục bộ, 14 đợt mưa to kèm dông, lốc), gây thiệt hại: 03 người chết (do sạt lở đất), 01 người bị thương; 530 nhà bị sập đổ, sạt lở, tốc mái hư hỏng; 02 đập dâng bị vỡ, 05 công trình thủy lợi bị hư hỏng, 04 công trình tạm bị cuốn trôi, 403 m kênh mương bị hư hỏng; 30.424 m đường bê tông nông thôn bị sạt lở taluy âm và các thiệt hại khác; 655 ha diện tích lúa và hoa màu ảnh hưởng.

²⁰ Tổng khối lượng nạo vét bùn đất lắng đọng kênh mương trước vụ sản xuất và sạt lở do mưa lũ: 101.397m³, phát dọn: 1.558.936m² cỏ rác trên công trình đầu mối và bờ kênh mương, sửa chữa 87 hạng mục công trình đầu mối và sửa chữa, kiên cố: 1.549 m kênh mương, bơm nước chống hạn cục bộ cho 107,908ha.

- Di dân ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Rà soát, đôn đốc các huyện thực hiện kế hoạch di dân ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm đến nơi ở mới an toàn. Kết quả đã thực hiện di chuyển 77 hộ, trong đó: Lâm Bình 17 hộ, Na Hang 36 hộ, Chiêm Hóa 10 hộ, Hàm Yên 5 hộ, Yên Sơn 9 hộ (*riêng huyện Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang không có đối tượng cần di chuyển trong năm*).

9. Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực

Xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 và các năm tiếp theo của Sở Nông nghiệp và PTNT. Hoàn thành chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2020, điểm số cải cách hành chính của Sở năm 2020 đạt 86,11 điểm, xếp thứ 8/19 các Sở, ban, ngành (*tăng 04 bậc so với năm 2019*); chỉ số DCI của Sở xếp thứ 9/19 cơ quan, đơn vị (*tăng 01 bậc so với năm 2019*). Hoàn thiện Đề án và triển khai thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh (*Kết quả đã tinh giảm 15 đầu mối: 01 phòng, 01 Chi cục thuộc Sở; 11 phòng, 02 hạt thuộc đơn vị*); xây dựng Đề án sắp xếp lại tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt (*hiện nay Sở Nội vụ đang thẩm định*).

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ của Lãnh đạo Sở; xây dựng Kế hoạch triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2020-2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ; xây dựng Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng DVCTT trên hệ thống thông tin một cửa điện tử của Sở; triển khai cung cấp 108 DVCTT trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh (*36 DVCTT mức độ 2 chiếm 33,3%, 72 DVCTT mức độ 3, 4 chiếm 66,7%*); phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông Tuyên Quang tích hợp, cung cấp 34 DVCTT mức độ 3, 4 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Tích cực đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trước thời hạn cho các tổ chức và cá nhân²¹. Trình UBND tỉnh ban hành kịp thời các quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC, các TTHC mới, thay thế, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT đầy đủ, kịp thời. Duy trì có hiệu quả hoạt động của Trang thông tin điện tử, thường xuyên cập nhật, bổ sung các thông tin liên quan các lĩnh vực trong ngành²².

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, tập trung kiểm tra việc thực hiện

²¹ Tiếp nhận giải quyết 4.515 hồ sơ (trong đó: 41 hồ sơ kỳ trước chuyển sang; 4.474 hồ sơ tiếp nhận mới). Kết quả giải quyết: 4.139 hồ sơ giải quyết trước hạn; 321 hồ sơ giải quyết đúng hạn; 31 hồ sơ trả cho tổ chức, cá nhân; 24 hồ sơ đang trong thời gian giải quyết. Phối hợp với Bưu điện tỉnh thực hiện trả kết quả giải quyết 215 hồ sơ TTHC cho tổ chức, cá nhân qua dịch vụ BCCI.

²² Lũy kế đến tháng 11/2021: Đăng tải được 845 tin, bài; cập nhật 366 văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh về lĩnh vực nông nghiệp và PTNT vào chuyên mục Hệ thống Văn bản trên TTĐT, tổng số lượt truy cập Trang TTĐT đạt 1.970.057 lượt.

các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, thực hiện khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ, kết quả quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng²³... Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo đúng quy định²⁴.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Trong năm qua, sản xuất nông nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng của thời tiết diễn biến bất thường (*trong năm đã xảy ra 17 đợt thiên tai*); ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Dịch tả lợn Châu Phi, giá cả, thị trường vật tư, nông sản trong nước biến động mạnh. Song, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, hiệu quả của các cấp ủy Đảng, chính quyền; cùng với sự đoàn kết, thống nhất, chủ động, sáng tạo, vượt qua khó khăn của doanh nghiệp, HTX, nông dân; nông nghiệp đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, sản xuất nông nghiệp của tỉnh duy trì tăng trưởng khá, các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp-thủy sản năm 2021 cơ bản đạt kế hoạch đề ra; giá trị sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản tăng trên 5%/năm so với năm 2020; GRDP khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản đứng thứ 4/11 tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc; dự kiến hết năm 2021, toàn tỉnh có 54 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: Duy trì, giữ vững 45 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 và có thêm 9 xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.

Thực hiện mục tiêu, khâu đột phá Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XVII đã đề ra; Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu cho tỉnh ban hành 14 Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Chính sách, Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025 để tổ chức thực hiện (*trong đó, tham mưu ban hành 01 Nghị quyết của Tỉnh ủy; 01 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 2 Đề án và 10 Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh*); đây là những bước đi, những quyết sách có tính chiến lược; nông nghiệp được cơ cấu lại cụ thể theo các trục sản phẩm chủ lực, đặc sản, xác định không gian vùng cụ thể để phát huy tối đa lợi thế so sánh của địa phương.

Để có nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn, tỉnh đã ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới. Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, Ngành, UBND các huyện, thành phố trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục hỗ trợ 35 Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phê duyệt Danh mục 83 Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ 5 năm 86,5 tỷ đồng; phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) giai đoạn 2021 -2025, kinh phí hỗ trợ 14,1 tỷ đồng (*năm 2021 có thêm 45 sản phẩm OCOP, lũy kế 123 sản phẩm OCOP*).

²³ Ban hành 13 Quyết định thanh tra (theo kế hoạch 12 cuộc, đột xuất 01 cuộc). Thực hiện xong 12 cuộc, 01 cuộc chưa thực hiện được do dịch Covid - 19. Ban hành 12 kết luận thanh tra, trong đó đã chỉ ra nhiều tồn tại, thiếu sót, sai phạm và đề nghị các đối tượng thanh tra nghiêm túc kiểm điểm các tổ chức, cá nhân liên quan, kịp thời khắc phục ngay những tồn tại, thiếu sót; xử lý về kinh tế, thu hồi 311.510.000 đồng.

²⁴ Trong năm đã tiếp nhận và giải quyết 14/14 đơn (*Khiếu nại 01 đơn; tố cáo 03 đơn; kiến nghị, phản ánh 10 đơn*).

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn

- Mặc dù công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện quyết liệt nhưng dịch tả lợn Châu phi chưa được ngăn chặn triệt để, gây khó khăn trong việc duy trì và phát triển chăn nuôi.
- Các vụ vi phạm về khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép còn xảy ra.
- Chưa có nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường; sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn còn ít.
- Số doanh nghiệp, HTX trực tiếp sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm hoặc liên kết sản xuất, tiêu thụ với nông dân thông qua hợp đồng còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

- Bệnh DTLCP chưa có vắc xin phòng bệnh; chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ chiếm tỷ trọng cao; việc áp dụng các biện pháp phòng bệnh, xử lý môi trường nuôi của hộ chăn nuôi còn hạn chế.
- Ý thức, nhận thức của người dân sống gần rừng về Luật Lâm nghiệp còn hạn chế; chính quyền một số xã chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng; công tác nắm thông tin, địa bàn và tham mưu cho chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp của lực lượng Kiểm lâm có mặt còn hạn chế.
- Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến, tạo ra sản phẩm chất lượng cao còn hạn chế; tiềm lực doanh nghiệp, HTX nông, lâm nghiệp, thủy sản còn yếu; còn hạn chế trong công tác dự báo thị trường, đánh giá khả năng cạnh tranh hàng hóa để nâng cấp, tiêu chuẩn hóa hàng hóa theo yêu cầu thị trường trong nước và yêu cầu về tiêu chuẩn của các nước nhập khẩu. Một số nguồn vốn hỗ trợ được thực hiện từ chương trình của Trung ương, tuy nhiên cơ chế thực hiện của Trung ương ban hành chậm, dẫn đến chậm bố trí vốn hỗ trợ.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2022

Năm 2022, toàn ngành nông nghiệp sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu, khâu đột phá Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra; toàn tỉnh thực hiện quyết liệt chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển đổi sản xuất nhỏ lẻ, phân tán sang sản xuất theo chuỗi liên kết sản xuất hàng hóa lớn, tập chung; nông nghiệp sẽ phải tổ chức lại sản xuất, chế biến, phân phối nông sản sao cho các nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh cơ bản được sản xuất theo hình thức tổ chức (*doanh nghiệp, hợp tác xã*); ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, tiêu chuẩn chất lượng nông sản hàng hóa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Phấn đấu giá trị sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản tăng trên 4% so với năm 2021.

I. Kế hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

1. Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (*theo giá so sánh năm 2010*) đạt 10.146,7 tỷ đồng, tăng 4,1% so với ước thực hiện năm 2021.
- Sản lượng lương thực đạt trên 34 vạn tấn.
- Tốc độ tăng đàn trâu dự kiến tăng 1,0%, đàn bò tăng 5,0%, đàn lợn tăng 4%, đàn gia cầm tăng 6% so với năm 2021; sản lượng thịt hơi các loại 87.850 tấn; sản lượng sữa tươi 26.000 tấn.
- Sản lượng thủy sản 10.663 tấn, tăng 8,7% so với ước thực hiện năm 2021.
- Trồng rừng 10.100 ha, tập trung 9.700 ha. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 1.030.00 m³; làm tốt công tác bảo vệ rừng, duy trì độ che phủ của rừng trên 65%.
- Duy trì, giữ vững 54 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và phấn đấu có thêm 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2022.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục tham mưu, triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch, chính sách lĩnh nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 đã ban hành; Kế hoạch số 104/KH-UBND của UBND tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch số 410-KH/TU ngày 20/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân nông thôn và xây dựng nông thôn mới; tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; chương trình xây dựng nông thôn mới. Tập trung củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp; hướng dẫn tổ chức chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP của tỉnh. Phối hợp với các cấp, các ngành liên quan thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về sản xuất nông lâm nghiệp năm 2022 được UBND tỉnh giao.

Tham mưu thực hiện nội dung trong Kế hoạch công việc thực hiện các chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, các nội dung đề xuất trong chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm: **(1)** xây dựng và ban hành văn bản thực hiện Văn kiện Hội nghị Trung ương 5 (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (*sau khi tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị trung ương 7 khóa X*); **(2)** Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp điện tử (WebGIS) phục vụ quản lý ngành và phát triển chuyên đổi số trong nông nghiệp đến năm 2030; **(3)** Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Quốc gia phòng chống bệnh Đại giai đoạn 2022 -2030; **(4)** Xây dựng Kế hoạch thực hiện Kế hoạch quốc gia phòng chống bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò giai đoạn 2022-2030; **(5)** Trình Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng và thực hiện Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon rừng từ giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất

rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng (REDD+) tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030; (6) Kế hoạch Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025.

2.2. Tiếp tục thực hiện khâu đột phá "phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới"

a) Về trồng trọt và bảo vệ thực vật: Hướng dẫn thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ của tỉnh; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Dự án thí điểm cấp và quản lý mã số vùng trồng các sản phẩm hàng hóa nông sản tỉnh Tuyên Quang bằng hệ thống/tiêu chuẩn OTAS phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, giai đoạn 2021-2025. Tập trung phát triển nâng cao năng suất và phát triển thị trường đối với các cây trồng chủ lực: Cây cam sành, cây chè, cây lạc; ổn định diện tích vùng sản xuất cam, bưởi hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cam, bưởi gắn với thị trường tiêu thụ, phát triển các cây trồng có lợi thế tại các địa phương gắn với phát triển du lịch và tiêu thụ (*Bưởi Soi Hà, Hồng không hạt Xuân Vân, Lê Hồng Thái, Na Lục Hành, Nhãn Thái Bình...*). Mở rộng diện tích chè, cây ăn quả sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hướng hữu cơ; mở rộng diện tích gieo cấy các giống lúa chất lượng cao; đưa các giống ngô lai có tiềm năng, năng suất cao vào sản xuất đại trà. Nhân rộng mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Làm tốt công tác dự tính, dự báo và hướng dẫn biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng kịp thời; tuyên truyền nâng cao nhận thức và hành động của người dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

b) Chăn nuôi, thú y và thủy sản:

Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển chăn nuôi trâu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019 - 2025. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi hàng hóa tập trung theo hướng gia trại, trang trại, HTX theo chuỗi giá trị, bảo đảm an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường. Từng bước xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra thẩm định và đề nghị cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, kiểm tra thẩm định và cấp giấy Chứng nhận cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật, chú trọng phòng, chống dịch bệnh chủ động, đặc biệt đối với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Thực hiện chặt chẽ công tác kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, quản lý thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi theo đúng quy định. Tăng cường tuyên truyền, vận động, triển khai quyết liệt, nâng tỷ lệ tiêm phòng gia súc, gia cầm vụ.

Rà soát, lồng ghép các cơ chế, chính sách của tỉnh đã ban hành để thực hiện Đề án phát triển thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019-2025. Quản lý chặt chẽ việc khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; việc sản xuất, kinh doanh giống thủy sản. Phát huy lợi thế, thu hút các tổ chức, cá nhân phát triển nuôi trồng thủy sản, nhất là phát triển cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ; mở rộng mô hình nuôi cá tại ao hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP gắn

với củng cố tổ chức sản xuất và xây dựng thương hiệu; nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản hiệu quả. Tiếp tục ứng dụng, làm chủ khoa học công nghệ sản xuất giống thủy sản, nhất là giống các loài cá đặc sản. Làm tốt phòng chống dịch bệnh và chăm sóc cá theo thông báo lịch mùa vụ. Tích cực kết nối, hỗ trợ tiêu thụ thủy sản trong điều kiện Covid-19.

c) Về lĩnh vực lâm nghiệp:

Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 36-NQ/TU ngày 26/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) ban hành về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030. Tham mưu thực hiện xây dựng Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ Các-bon rừng từ giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng Các-bon rừng (REDD+) tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục thực hiện Đề án trồng 01 tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. Tiếp tục mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Củng cố các chốt, trạm, bố trí lực lượng làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên rừng. Nâng cao năng lực của lực lượng kiểm lâm; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang, các tỉnh giáp ranh làm tốt công tác ngăn chặn, xử lý vi phạm; không để xảy ra các điểm nóng, các tụ điểm phá rừng, các vụ buôn bán vận chuyển trái phép. Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm tình hình công tác bảo vệ rừng trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt là các huyện có nhiều diện tích rừng tự nhiên, còn nhiều lâm sản quý, hiếm để kịp thời chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng và PCCCR có hiệu quả.

2.3. Đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; nâng cao hiệu quả của hệ thống khuyến nông

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục triển khai các đề tài, dự án theo kế hoạch và tổng kết, đánh giá các mô hình sản xuất để khuyến cáo nhân rộng. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Viện nghiên cứu, Trường Đại học và các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung giải quyết các vấn đề cốt lõi trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ giống, quy trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô; tiếp tục sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá lăng, cá chiên...; nhân rộng thụ tinh trâu, bò bằng phương pháp nhân tạo; phục tráng, nâng cao tầm vóc đàn trâu.

Thực hiện hiệu quả Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021-2025; tiếp tục đổi mới phương pháp khuyến nông để nâng cao hiệu quả hoạt động; các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phải đảm bảo có trọng tâm, gắn với phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị theo nhu cầu thị trường; làm tốt vai trò cầu nối khoa học công nghệ với nông dân. Hướng dẫn Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện phát huy hiệu quả công tác khuyến nông, dịch vụ nông nghiệp; làm tốt cả 03 khâu: chuyển giao khoa học công nghệ; phát triển liên kết sản xuất; sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng.

2.4. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất

Tiếp tục rà soát, hỗ trợ thành lập mới các HTX gắn với phương án sản xuất để phát huy vai trò “hạt nhân”, hiệu quả hoạt động, gia tăng tỷ lệ HTX tham gia vào các chuỗi liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn gắn với thị trường, phát triển sản phẩm OCOP; tổng hợp nhu cầu thực hiện các dự án, kế hoạch liên kết và triển khai thẩm định theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của các tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện. Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố đôn đốc xử lý dứt điểm việc giải thể, chuyển đổi sang loại hình khác đối với các HTX yếu, kém đã ngừng hoạt động. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách đối với HTX nông nghiệp. Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn các trang trại, tổ hợp tác phát triển sản xuất, nhất là các mô hình phát triển gắn với du lịch cộng đồng, xây dựng nông thôn mới.

2.5. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn

Tổ chức thực hiện tốt, kịp thời, hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa, sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh. Tập trung các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; phát triển chăn nuôi nông hộ, hợp tác xã, kinh tế trang trại; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn mới. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Chủ động phối hợp, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn (nếu có) trong quá trình thực hiện các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

2.6. Làm tốt công tác quản lý chất lượng và ATTP hàng nông sản; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các tổ chức, cá nhân sản xuất, cung ứng giống, phân bón, vật tư nông lâm nghiệp không đảm bảo chất lượng, gây thiệt hại cho sản xuất. Tuyên truyền mở rộng sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh an toàn thực phẩm; tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tổ chức sản xuất hàng nông sản theo tiêu chuẩn để sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu

của thị trường. Cụ thể hóa các giải pháp tham mưu thực hiện Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đến năm 2030. Tập trung đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng nông sản có hợp đồng liên kết, sản phẩm có thị trường tiêu thụ thuận lợi.

Tiếp tục hướng dẫn thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, sự hiểu biết của cộng đồng về Chương trình OCOP, sự cần thiết và chính sách hỗ trợ của tỉnh. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh. Tích cực tuyên truyền, phổ biến và vận động, hưởng ứng tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản cho người dân trong tình hình đại dịch Covid - 19 đang diễn biến phức tạp. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy mạnh việc đưa các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc sản và sản phẩm OCOP lên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

2.7. Chủ động các phương án phòng chống thiên tai

Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 10/8/2021 về thực hiện Đề án “*Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030*”. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ Văn phòng thường trực PCTT; tổ chức thường trực, theo dõi nắm bắt thông tin, báo cáo về tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh, đề xuất kịp thời các biện pháp giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

2.8. Quản lý và thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển nông thôn, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tạo chuyển biến nâng cao các tiêu chí, trong đó chú trọng các tiêu chí: Tổ chức sản xuất, thu nhập, bảo vệ môi trường ở nông thôn. Tích cực huy động toàn xã hội tham gia, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trong đó ưu tiên xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất và hỗ trợ sản xuất hàng hóa để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, nhất là việc thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi, công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; xây dựng và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chỉ đạo, kiểm tra tu sửa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, phát dọn, nạo vét khơi thông dòng chảy kênh mương; xây dựng và thực hiện phương án phòng, chống hạn, lập kế hoạch quản lý, sử dụng nước tưới tiết kiệm, hiệu quả để đảm bảo đủ nước tưới phục vụ sản xuất.

2.9. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành

Thường xuyên thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư. Tiếp tục áp dụng phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Chủ động phối hợp với các doanh nghiệp đang đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp để tháo gỡ khó khăn, tiếp cận các chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để thu hút doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành công vụ. Làm tốt công tác tiếp dân, tiếp nhận và xử lý, giải quyết các ý kiến, kiến nghị của công dân theo quy định. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin sâu rộng cho các cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành. Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở. Triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy; (báo cáo)
- Ủy ban nhân dân tỉnh; (báo cáo)
- Sở KH và ĐT; (tổng hợp)
- UBND huyện, TP;
- Các Doanh nghiệp, ĐV liên quan;
- TT Đảng ủy; Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt